

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47 /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 15 tháng 4 năm 2026



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 145/TTr-STC ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Báo cáo số 238/BC-STC ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành: Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Công an tỉnh; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KGVX (Hiệu);
- Lưu: VT, (H-QĐ13), KP228/4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
BHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Vũ Thắng



QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các
đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47./2026/QĐ-UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác; phân bổ và điều chuyển nguồn vốn; quản lý và sử dụng tiền lãi; xử lý nợ bị rủi ro; chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 3. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hằng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội được trích hằng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Quy chế này.

4. Nguồn chênh lệch lớn hơn giữa dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro và dự phòng rủi ro tối đa theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Quy chế này.

5. Nguồn vốn cho vay khác bao gồm cho vay giải quyết việc làm chỉ định đối với hợp tác xã Thắng Lợi, cho vay giải quyết việc làm theo chỉ định của chủ Đầu tư, cho vay theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (giai đoạn 2), cho vay chỉ định Máy gặt đập liên hợp, cho vay theo Quyết định số 365/2004/QĐ-NHNN ngày 13 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, cho vay đối với các hộ Làng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau: Sau khi thu hồi nợ chuyển sang cho vay theo chương trình Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm theo quy định hiện hành.

Điều 4. Xây dựng kế hoạch, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Sở Tài chính làm đầu mối phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tiêu chí bố trí vốn, bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn.

2. Giao sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của mình làm đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể về tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo, dự kiến kế hoạch nhu cầu vốn tín dụng chính sách xã hội từ đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi theo quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Ký hợp đồng ủy thác

Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau.

Điều 6. Quy trình chuyển vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và phân giao nguồn vốn ngân sách địa phương

1. Quy trình chuyển nguồn vốn

a) Hằng năm, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Sở Tài chính thực hiện chuyển vốn ủy thác để cho vay qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo Nghị quyết của Hội đồng



nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển nguồn ngân sách địa phương.

b) Hình thức cấp phát bằng Lệnh chi tiền.

c) Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Quy trình phân bổ chỉ tiêu nguồn vốn cho vay

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trình Trưởng Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phân bổ chỉ tiêu cho vay đến cấp xã theo quy định. Căn cứ chỉ tiêu cho vay được giao nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ chỉ tiêu đến các ấp, khóm để cho vay theo quy định.

Điều 7. Đối tượng cho vay

1. Đối tượng cho vay theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương (*ngoài đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này*) theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 8. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ; các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tại từng thời kỳ và quy định của địa phương (*nếu có*).

Điều 9. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương.

Điều 10. Quy trình, thủ tục cho vay, phương thức cho vay

Theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ; bảo đảm tiền vay theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ và quy định của địa phương.

Điều 11. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ: Giao Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

Điều 12. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quản lý, hạch toán và phân bổ số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên.

1. Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (*không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh*).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh nơi nhận ủy thác.

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được.

4. Phần còn lại (*nếu có*) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

Chậm nhất ngày 10/7 hàng năm, sau khi đã trích các khoản phí theo quy định tại điểm a, b, và điểm c khoản 1, Điều này, số dư còn lại (*nếu có*) hạch toán bổ sung vào nguồn vốn cho vay. Cuối năm tài chính, trên cơ sở số lãi thu được trong năm, thực hiện quyết toán lại để hạch toán đầy đủ, đúng quy định.

Điều 13. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội: Thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Ngân hàng Chính sách xã hội trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.

a) Trường hợp dự phòng Quỹ rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế của khoản vay bị rủi ro, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy



ban nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư dự phòng rủi ro tối đa, phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 14. Chế độ báo cáo

1. Chậm nhất trước ngày 15/01 hằng năm và trước ngày 20/01 năm thứ 4/thứ 5 của kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện hành, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo, dự kiến nhu cầu vốn tín dụng chính sách từ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chậm nhất trước ngày 20/01 hằng năm và trước ngày 25/01 năm thứ 4/thứ 5 của kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện hành, Sở Tài chính báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến bố trí vốn từ ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

3. Trước ngày 25/01 hằng năm và trước ngày 30/01 năm thứ 4/thứ 5 của kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện hành, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn từ ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

4. Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo tình hình nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

Điều 15. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo quy định và các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân

1. Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Căn cứ quyết định bổ sung nguồn vốn ủy thác hàng năm, nhu cầu vay vốn của đối tượng thụ hưởng, Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quyết định chương trình cho vay và giao kế hoạch tín dụng đến xã, phường để Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc thực hiện.

b) Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu vay vốn của từng chương trình tín dụng, kịp thời điều chỉnh chỉ tiêu giữa các chương trình tín dụng hoặc giữa các xã, phường, đặc khu nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của từng đối tượng, phát huy hiệu quả nguồn vốn ủy thác, không để tồn đọng, lãng phí vốn.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở báo cáo đề xuất của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí nguồn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. Căn cứ dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Căn cứ Quyết định bổ sung của Ủy ban nhân dân tỉnh, ký Hợp đồng ủy thác/Phụ lục hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh bổ sung nguồn vốn; chuyển nguồn ngân sách địa phương ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định.

c) Hằng năm, kiểm tra việc sử dụng tiền lãi cho vay theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này trên cơ sở báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với các chương trình, dự án sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, chuyển đổi công nghệ gắn với hoạt động tín dụng chính sách.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu cấp thẩm quyền về cơ chế, chính sách cụ thể về tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh liên quan các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

c) Chủ trì rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình khu vực nông thôn có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn hoặc không đủ điều kiện vay vốn hàng năm, cung cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội để làm cơ sở thực hiện tín dụng chính sách đúng đối tượng.

d) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra nguồn ngân sách địa phương ủy thác để cho vay thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.



đ) Phối hợp thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro đối với nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn, hiệu quả cho vay, thẩm tra hồ sơ vay vốn... từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra nguồn ngân sách địa phương ủy thác để cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Phối hợp thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro đối với nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương.

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Ký hợp đồng ủy thác/Phụ lục hợp đồng ủy thác với Sở Tài chính; tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn nhận ủy thác.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định; lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương hàng năm và từng giai đoạn gửi cơ quan tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Thực hiện cho vay đúng quy trình nghiệp vụ, cho vay đúng đối tượng, vốn vay sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác đúng quy định.

đ) Chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng tiền lãi vay theo đúng quy định tại Điều 12 Quy chế này.

e) Hằng năm, trước ngày 15/02 báo cáo việc sử dụng tiền lãi cho vay theo quy định tại Điều 12 Quy chế này gửi cơ quan tài chính.

7. Các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng đối với nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ chỉ tiêu đến các ấp, khóm, tổ dân phố để cho vay theo quy định.

b) Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị thực hiện chương trình và phối hợp Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để Nhân dân biết rõ Quy chế này.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xây dựng kế hoạch tín dụng bằng nguồn ngân sách địa phương hàng năm và từng giai đoạn để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

đ) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

e) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xử lý các trường hợp nợ quá hạn, nợ khó đòi; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan.

g) Tổng hợp, đánh giá kết quả cho vay, thu hồi nợ và xử lý nợ rủi ro trên địa bàn quản lý, gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm (qua Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay) để tổng hợp, báo cáo, theo dõi, chỉ đạo.

9. Trách nhiệm của người vay

a) kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

d) Chấp hành các quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội khi tham gia vay vốn.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khoản phí đã trích lập từ tiền lãi thu được chưa sử dụng đối với nguồn ngân sách cấp huyện ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trước lúc sắp xếp bàn giao về Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh được hạch toán bổ sung vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp tỉnh qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để tiếp tục thực hiện cho vay theo quy định.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.